TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHONG THỔ** **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 36/2019/QĐST-HNGĐ	*Phong Thổ, ngày 07 tháng 10 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 71/2019/TLST - HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Anh Hò Văn T, sinh năm 1987;

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Bản H, xã M, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

Bị đơn: Chị Vàng Thị X, sinh năm 1988;

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Bản H, xã M, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 54, 55, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 9 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 9 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Hò Văn T và chị Vàng Thị X.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn anh Hò Văn T và bị đơn chị Vàng Thị X thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Anh Hò Văn T và chị Vàng Thị X có hai con chung: Cháu thứ nhất tên là Hò Thị Diệu L, sinh ngày 05/10/2012; Cháu thứ hai tên là cháu Hò Đức K, sinh ngày 07/01/2016. Nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận thống nhất:

- Giao cháu Hò Thị Diệu L cho chị Vàng Thị X trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

- Giao cháu Hò Đức K cho anh Hò Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

Hai đương sự phải tạo điều kiện cho nhau trong việc thăm nom con chung.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về tài sản chung: Hai đương sự tự thỏa thuận thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về nợ chung: Hai đương sự xác nhận không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về án phí: Hai đương sự mỗi người phải nộp 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án thuận tình ly hôn. Ghi nhận Nguyên đơn tự nguyện nộp cả án phí cho bị đơn. Tổng số tiền nguyên đơn anh Hò Văn T phải nộp là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).Vậy khấu trừ với số tiền anh T đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2010/0004454 ngày 23/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Anh Hò Văn T được nhận lại 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Phong Thổ;
- Chi cục THA dân huyện Phong Thổ;
- UBND xã M;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Triệu Trung Tá